

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp và lắp đặt theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp bóng đèn, vật tư điện năm 2025-2026
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm
3. Thời gian thực hiện công việc: 13 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 215 Hồng Bàng, Phường Chợ lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 6 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng, lắp đặt và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 22/10/2025.
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Quản trị tòa nhà (hầm 2 khu A) Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, số 215 Hồng Bàng, Phường Chợ lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Võ Thanh Bình

Số điện thoại: 0903166170

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có)..

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đầu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, QTTN (k04-016 -vtbinh)

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ



Nguyễn Anh Tuấn



PHỤ LỤC 1. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số 5187/BVĐHYD-QTTN, ngày 10... tháng 10 năm 2025)

I. PHẠM VI CUNG CẤP:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Bóng đèn LED tube 0,6m 9W	cái	300
2.	Bóng đèn LED tube 1,2m, 18W	cái	1200
3.	Đèn LED panel 600x600mm, 40W	bộ	54
4.	Bóng đèn LED 3U, 9W	cái	407
5.	Bóng LED bulb 5W	cái	5
6.	Bộ đèn LED downlight 3W, Ø 110mm	bộ	13
7.	Bộ đèn LED panel 18W, Ø 167mm	bộ	260
8.	Bộ đèn LED downlight 20W Ø 180mm	bộ	47
9.	Bộ đèn LED downlight 12W, Ø 174mm	bộ	92
10.	Đèn led trụ công 10W	bộ	2
11.	Bộ đèn LED downlight 18W, Ø 225mm	bộ	6
12.	Bộ đèn LED panel 6W, Ø 120mm	bộ	10
13.	Bộ đèn LED downlight 5W, Ø 90mm chiếu sâu	bộ	24
14.	Bộ đèn LED downlight 13 W, Ø 120 mm chiếu sâu	bộ	5
15.	Bộ đèn LED downlight 34W, Ø 157mm chiếu sâu	bộ	5

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
16.	Bộ đèn LED downlight ánh sáng vàng 10W, Ø 142mm chiều sâu	bộ	20
17.	Bộ đèn pha LED 100W	bộ	1
18.	Bộ đèn đường LED 150W	bộ	1
19.	Bộ đèn LED mica 0,6m 18W	bộ	5
20.	Bộ đèn LED mica 1.2m 36W	bộ	12
21.	Đèn chiếu tranh (dạng thân)	bộ	4
22.	Bộ đèn chiếu sáng khẩn cấp	bộ	2
23.	Bộ đèn pha năng lượng mặt trời 100W	bộ	6
24.	Cáp 1xC1,5mm ²	m	2000
25.	Cáp 1x3C1,5mm ² , có 1 sợi xanh sọc vàng	m	400
26.	Cáp 1xC2,5mm ²	m	3200
27.	Cáp 1xC4mm ²	m	5000
28.	Cáp 1xC6mm ²	m	500
29.	Cáp điện thoại 2x2x0,5mm ²	m	2000
30.	Công tắc đơn 1 chiều 16A	cái	85
31.	Công tắc xoay 3 vị trí	cái	35
32.	Hộp nhựa vuông âm 80x80x42,5mm	cái	110
33.	Hộp nhựa vuông nổi 80x80x35mm	cái	20
34.	Hộp nhựa vuông nổi 120x115x35mm	cái	120

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
35.	Hộp nhựa vuông âm 150x150x42,5mm	cái	70
36.	Mặt lắp 3 thiết bị	cái	80
37.	Mặt lắp 6 thiết bị	cái	90
38.	Ổ cắm điện đôi 3 chấu 16A	cái	300
39.	Phích cắm điện 3 chấu 16A	cái	85
40.	Ổ cắm nổi dài	cái	45
41.	Ổng điện cứng PVC Ø 20, 2,92m/Cây	cây	90
42.	Ổng điện cứng PVC Ø 25, 2,92m/Cây	cây	85
43.	Ổng điện cứng PVC Ø 32, 2,92m/Cây	cây	10
44.	Ổng điện mềm Ø 20, 50m/cuộn	cuộn	20
45.	Ổng điện mềm Ø 25, 40m/cuộn	cuộn	18
46.	Nẹp nhôm	cây	20
47.	Nẹp inox	cây	40
48.	MCB 1P 16A	cái	4
49.	MCB 2P 25A	cái	24
50.	RCBO 2P 20A	cái	28
51.	Đế Relay 14 chân	cái	5
52.	Cuộn coil solenoid	cái	54
53.	Timer 24 giờ	cái	7

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
54.	Bộ nguồn 12VDC 80A	bộ	2
55.	Tủ điện 13 module	cái	5
56.	Tủ điện 6 module	cái	7
57.	Relay nhiệt 0,63-1A	cái	2
58.	Relay nhiệt điện tử 0,5-6A	cái	2
59.	Biến tần 22 KW	bộ	1
60.	Ổ cắm điện thoại	cái	30
61.	Ổ cắm mạng	cái	20
62.	Adaptor 24VDC 3A	cái	40
63.	Quạt trần	bộ	4
64.	Máy sấy tay	bộ	5
65.	Tụ quạt 2,5 μ F	cái	7
66.	Bộ micro và loa cầm tay	bộ	10
67.	Micro cổ ngỗng	cái	40
68.	Đầu RJ11	cái	80
69.	Đầu RJ45 CAT6	cái	120
70.	Dây xoắn điện thoại (dây tai nghe) kích thước khi xoắn 300mm	sợi	75
71.	Điện thoại bàn	cái	140
72.	Bơm chìm 18W	cái	5

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
73.	Bộ hiển thị nhiệt độ	bộ	1
74.	Khoan pin	bộ	1
75.	Máy cắt pin	bộ	1
76.	Đồng hồ đo Ampe (Ampe kim)	cái	1
77.	Đồng hồ đo độ sáng	cái	1
78.	Đồng hồ đo cách điện	cái	1
79.	Đồng hồ đo dòng rò	cái	1
80.	Bộ giám sát mực nước 5 cực (bồn nước trên mái)	bộ	1
81.	Đèn exit (chỉ hướng) 2 mặt	cái	5
82.	Mica tản quang (trắng sữa)	tấm	234
83.	Kim mỏ bằng	cái	8
84.	Kim mỏ nhọn	cái	8
85.	Kim cắt	cái	8
86.	Bộ tua vít 6 cái	bộ	8
87.	Bút thử điện	cái	8
88.	Băng keo điện	cuộn	80
89.	Tắt kê nhựa 8 mm 1000 cái/gói	gói	1
90.	Vít bắt tắt kê 8 mm 1000 cái/gói	gói	1
91.	Vít bắt box điện 100 cái/gói	gói	1

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng
92.	Vít đuôi cá 100 cái/gói	gói	1
93.	Domino đầu điện 10mm ²	cây	12
94.	Cosse 1,5mm ² , chẻ (cosse chữ Y), 100 cái/gói	gói	1
95.	Cosse 2,5mm ² , chẻ (cosse chữ Y), 100 cái/gói	gói	1
96.	Cosse 4,0mm ² , chẻ (cosse chữ Y), 100 cái/gói	gói	1
97.	Cosse 6,0mm ² , lỗ tròn Ø 6,5mm, 50 cái/gói	gói	1
98.	Dây rút nhựa (dài 25cm), 1Kg/gói	gói	1
99.	Cosse 1,5mm ² , pin (cosse tròn), 100 cái/gói	gói	1
100.	Cosse 2,5mm ² , pin (cosse tròn), 100 cái/gói	gói	1
101.	Cosse 4,0mm ² , pin (cosse tròn), 100 cái/gói	gói	1
102.	Cosse 6,0mm ² , pin (cosse tròn), 100 cái/gói	gói	1

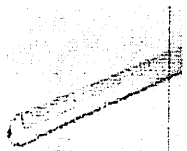
II. YÊU CẦU KỸ THUẬT

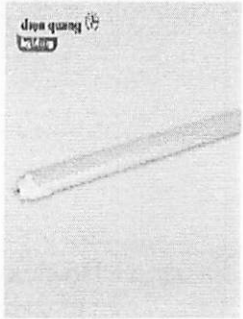
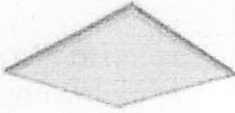
1. Giới thiệu chung về gói thầu

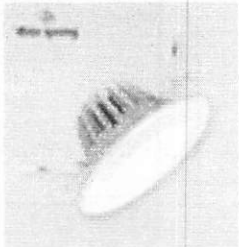
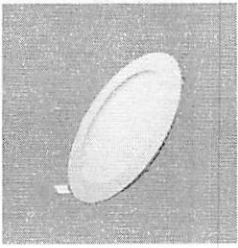
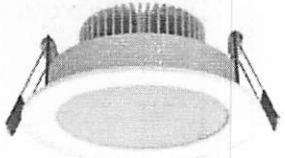
- Bên mời thầu: Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM;
- Địa điểm thực hiện: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ lớn, TP.HCM;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 13 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

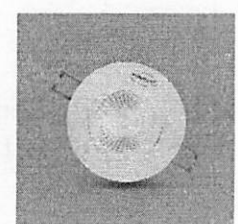
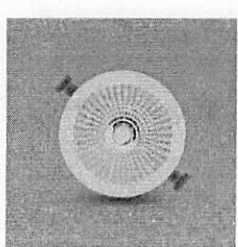
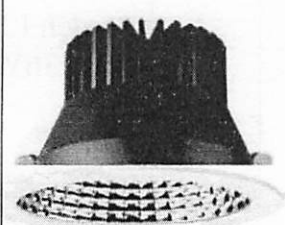
2. Yêu cầu kỹ thuật

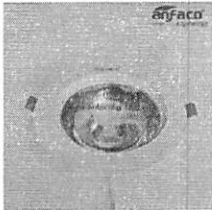
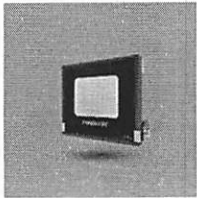
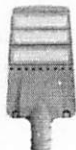
a) Yêu cầu về kỹ thuật chi tiết

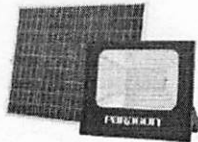
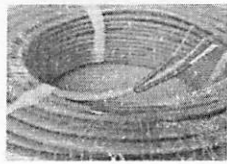
STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
1.	Bóng đèn LED tube 0,6m 9W	- Nguồn điện 220 VAC – 240 VAC - Công suất: 9W - 11W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Thân đèn: nhôm - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$	

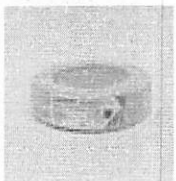
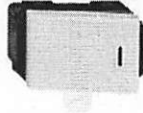
STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
		- Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước đèn: $600\text{mm} \pm 12 \times \text{Ø} 32\text{mm} \pm 2$	
2.	Bóng đèn LED tube 1,2m 18W	- Nguồn điện 220 VAC – 240 VAC - Công suất: 18W - 20W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500\text{K}$ - Thân đèn: nhôm - Hiệu suất phát sáng: ≥ 90 Lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Sử dụng chip LED SMD - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước đèn: $1200\text{mm} \pm 12 \times \text{Ø} 32\text{mm} \pm 2$	
3.	Đèn LED panel 600x600mm, 40W	- Nguồn điện 220 VAC – 240 VAC - Công suất 40W - 45W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500\text{K}$ - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Hiệu suất: ≥ 110 Lm/W - Quang thông: ≥ 4400 Lm - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ - Chất liệu tản nhiệt: hợp kim nhôm - Kích thước: $(602 \times 602 \times 10)\text{mm} \pm 5$	
4.	Bóng đèn LED 3U, 9W	- Nguồn điện 220 VAC – 240 VAC - Công suất: 9W - 12W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 100 Lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Đuôi vặn: E27 - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ - Kích thước đèn: $(115 \times \text{Ø} 40)\text{mm}$	
5.	Bóng LED bulb 5W	- Nguồn điện 220 VAC – 240 VAC - Công suất 5W - 7W - Ánh sáng: Trắng (6500K) - Hiệu suất phát sáng: ≥ 80 Lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Đuôi đèn: E27 - Tuổi thọ: ≥ 20.000 giờ - Kích thước đèn: $(95 \times \text{Ø} 55)\text{mm}$	

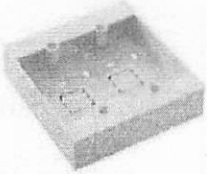
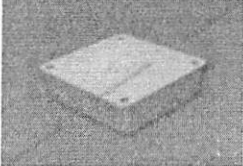
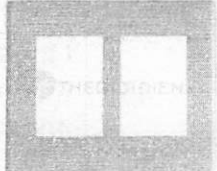
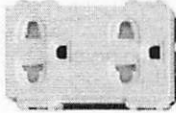
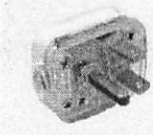
STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
6.	Bộ đèn LED downlight 3W, Ø 110mm	- Nguồn điện 220 VAC – 240 VAC - Công suất: 3W - 4W - Ánh sáng vàng: ≤ 4000 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 70 Lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: Ø 90mm - Kích thước đèn: (Ø 110 × 56)mm ± 2	
7.	Bộ đèn LED panel 18W Ø 167mm	- Nguồn điện 220 VAC – 240 VAC - Công suất: 17W - 19W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 95 Lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Tuổi thọ: ≥ 25.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: Ø 152mm - Kích thước đèn: (Ø 167 × 29)mm	
8.	Bộ đèn LED downlight 20W Ø 180mm	- Nguồn điện 220 VAC – 240 VAC - Công suất: 20W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 101 Lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: Ø 165mm ± 2mm - Kích thước đèn: (Ø 180 × 70)mm	
9.	Bộ đèn LED downlight 12W Ø 174mm	- Nguồn điện 220 VAC – 240 VAC - Công suất: 12W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Quang thông: 840 - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Tuổi thọ: ≥ 25.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: Ø 160mm ± 2mm - Kích thước đèn: (Ø 174 × 22)mm	
10.	Đèn led trụ cổng (lắp cổng) 10W	- Nguồn điện 220 VAC – 240 VAC - Công suất: 9W – 12W - Ánh sáng trắng vàng: ≥ 3000 K - Tuổi thọ: ≥ 25.000 giờ - Kích thước đèn: (Ø 215 × 240)mm	

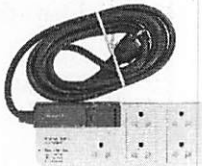
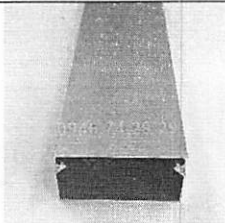
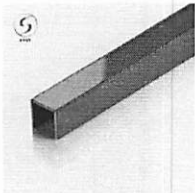
STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
11.	Bộ đèn LED panel 18W, Ø 225 mm	- Công suất: 17W – 19W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 80 Lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Tuổi thọ: ≥ 25.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: Ø 205mm - Kích thước đèn: (Ø 225 × 25)mm ± 3mm	
12.	Bộ đèn LED panel 6W, Ø 120mm	- Công suất: 5W - 7W - Ánh sáng trắng: 4500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 80 Lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Tuổi thọ: ≥ 25.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: Ø 105mm ± 2mm - Kích thước đèn: (Ø 120 x 22)mm ± 3mm	
13.	Bộ đèn LED downlight 5W, Ø 90mm chiều sâu	- Công suất: 5W - 6W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 90 Lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: Ø 75mm ± 2 - Kích thước đèn: (Ø 90 × 57)mm ± 2mm	
14.	Bộ đèn LED downlight 13 W, Ø 120mm chiều sâu	- Công suất: 13W - 15W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 90 Lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: Ø 114mm ± 2 - Kích thước đèn: (Ø 120× 103)mm ± 2mm	
15.	Bộ đèn LED downlight 34W, Ø 157mm chiều sâu	- Công suất: 32W - 38W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 97 Lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: Ø 150mm ± 4 - Kích thước đèn: (Ø 157 × 119)mm ± 2mm	

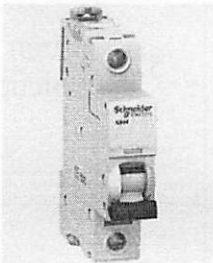
STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
16.	Bộ đèn LED downlight ánh sáng vàng 9W, Ø 142mm chiều sâu	- Công suất: 9W - 11W - Ánh sáng vàng : 4000 K – 4500K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 115 Lm/W - Chỉ số hoàn màu: ≥ 80 Ra - Tuổi thọ: ≥ 30.000 giờ - Kích thước lỗ khoét: Ø 110mm ± 4 - Kích thước đèn: (Ø 142mm $\times$ 35mm) ± 5mm	
17.	Bộ đèn pha LED 100W	- Công suất 90W - 110W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 95 Lm/W - Tính năng chống nước: IP 66 - Tuổi thọ ≥ 25.000 giờ - Vật liệu tản nhiệt bằng hợp kim nhôm.	
18.	Bộ đèn đường LED 150W	- Công suất 140W - 160W - Ánh sáng trắng: ≥ 5500 K - Hiệu suất phát sáng: ≥ 90 Lm/W - Tính năng chống nước: IP 66 - Tuổi thọ ≥ 50.000 giờ	
19.	Bộ đèn LED mica 0,6m 18W	- Công suất: 18W - 20W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Hiệu suất sáng: ≥ 80 Lm/W - Chỉ số truyền màu: ≥ 80Ra - Tuổi thọ trung bình: 25.000h - Kích thước đèn: (600x75x24)mm ± 5mm	
20.	Bộ đèn LED mica 1,2m 36W	- Công suất: 36W - 40W - Ánh sáng trắng: ≥ 6500K - Hiệu suất sáng: ≥ 80 Lm/W - Chỉ số truyền màu: ≥ 80Ra - Tuổi thọ trung bình: 25.000h - Kích thước đèn: (1200x75x24)mm ± 5mm	

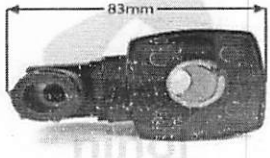
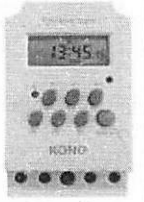
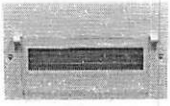
STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
21.	Đèn chiếu tranh (dạng thân)	- Công suất: 8W - 12W - Ánh sáng trắng: $\geq 6500K$ - Hiệu suất phát sáng: $\geq 90 \text{ Lm/W}$ - Chỉ số hoàn màu: $\geq 90 \text{ Ra}$ - Tuổi thọ: ≥ 50.000 giờ - Kích thước đèn: ($\varnothing 6,5 \times 132 \times 96$) mm $\pm 2\text{mm}$	
22.	Bộ đèn chiếu sáng khẩn cấp	- Công suất: $\geq 2,5W$ - Pin: li-ion $\geq 3,7V/10Ah$ - Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: ≥ 3 giờ	
23.	Bộ đèn pha năng lượng mặt trời 100W	- Thời gian hoạt động: ≥ 10 giờ - Công suất: 100W - 120W - Tấm pin năng lượng mặt trời: Poly Crystalline - Loại pin: $\geq 3.2V$ - Dung lượng pin: $\geq 96 \text{ Ah}$ - Thời gian sạc: ≤ 8 giờ - Chỉ số an toàn: IP65	
24.	Cáp 1xC1,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 1,5mm² - Cấp điện áp U_0/U: $\geq 0.6/1KV$ - Quy cách: ruột đồng, cách điện PVC - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 0.8\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^\circ C$	
25.	Cáp 1x3C1,5mm ² , có 1 sợi xanh sọc vàng	- Tiết diện danh nghĩa: 1,5mm²/1 sợi - Quy cách: 3 sợi, ruột đồng, cách điện PVC/PVC - Cấp điện áp U_0/U: $\geq 300/500V$ - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 0,7\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^\circ C$	
26.	Cáp 1xC2,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 2,5mm² - Cấp điện áp U_0/U: $\geq 0,6/1KV$	

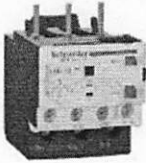
STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
		- Quy cách: ruột đồng, cách điện PVC - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 0,8\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^{\circ}\text{C}$	
27.	Cáp 1xC4mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 4,0mm² - Cấp điện áp U0/U: $\geq 0,6/1\text{KV}$ - Quy cách: ruột đồng, cách điện PVC - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 1\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^{\circ}\text{C}$	
28.	Cáp 1xC6mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: 6,0mm² - Cấp điện áp U0/U: $\geq 0,6/1\text{KV}$ - Quy cách: ruột đồng, cách điện PVC - Chiều dày cách điện danh định: $\geq 1\text{mm}$ - Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép: $\geq 70^{\circ}\text{C}$	
29.	Cáp điện thoại 2x2x0,5mm ²	- Tiết diện danh nghĩa: $\geq 0,5\text{mm}^2$ - Quy cách: ruột đồng 2 x 2 x 0,5 vỏ PVC	
30.	Công tắc đơn 1 chiều 16A	- Điện áp định mức: 220VAC 50Hz - Dòng điện định mức: $\geq 16\text{A}$ - Cách đấu dây: ghim (Cắm nhanh) - Màu sắc: trắng - Bật tắt: có ký hiệu	
31.	Công tắc xoay 3 vị trí	- Xoay 3 vị trí, 2 NO	
32.	Hộp nhựa vuông nổi (80x80x42,5)mm	- Kích thước: (80 x 80 x 35) mm - Lắp đặt: nổi (ngoài tường)	

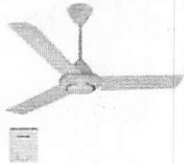
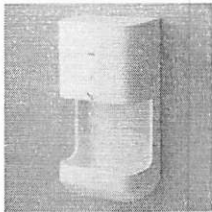
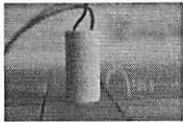
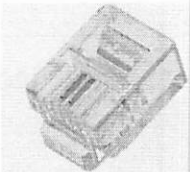
STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
33.	Hộp nhựa vuông nổi (80x80x35)mm	- Kích thước: (80 x 80 x 35) mm - Lắp đặt: nổi (ngoài tường)	
34.	Hộp nhựa vuông nổi (120x115x35)mm	- Kích thước: (120 x 115 x 35) mm - Lắp đặt: nổi (ngoài tường)	
35.	Hộp nhựa vuông âm (150x150x42,5)mm	- Kích thước: (150 x 150 x 42,5) mm - Lắp đặt: âm tường hoặc nổi trên trần	
36.	Mặt lắp 3 thiết bị	- Đế lắp đặt: đế vuông đơn - Sản phẩm: dùng cho 3 thiết bị (kích thước (40x22,7x25,7)mm) - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng - Kích thước: ngoài (86x86)mm trong (36,5 x 69,2) mm	
37.	Mặt lắp 6 thiết bị	- Đế lắp đặt: đế đôi - Sản phẩm: dùng cho 6 thiết bị (kích thước (40x22,7 x 25,7) mm) - Chất liệu: nhựa - Màu sắc: trắng - Kích thước: ngoài (116 x 120) mm; trong 2 ô: (36,5 x 69,2) mm)	
38.	Ổ cắm điện đôi 3 chấu 16A	- Điện áp định mức: 220VAC 50Hz - Dòng điện định mức: $\geq 16A$ - Chất liệu: nhựa - Cách đấu dây: ghim (Cắm nhanh) - Màu sắc: trắng - Màn che bảo vệ: có - Nối đất: có	
39.	Phích cắm điện 3 chấu 16A	- Điện áp định mức: 220VAC - 250VAC - Dòng điện định mức: $\geq 20A$ - Nối đất: có	

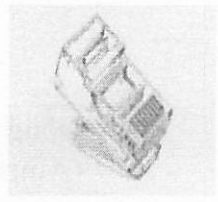
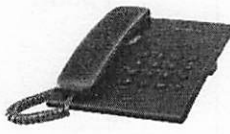
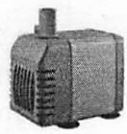
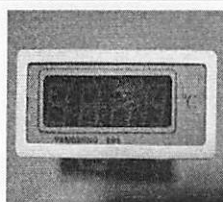
STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
40.	Ổ cắm nổi dài	- Điện áp định mức: 250 VAC 50 Hz - quy cách: 5 ổ cắm, 1 công tắc - Chiều dài dây: ≥ 3 mét	
41.	Ống điện cứng PVC $\Phi 20$, 2,92m/Cây	- Chiều dài danh định: 2,92 m - Đường kính danh định: 20mm - Độ dày danh định: 1,9 mm - Lực nén: $\geq 1250\text{N}$ - Màu sắc: trắng	
42.	Ống điện cứng PVC $\Phi 25$, 2,92m/Cây	- Chiều dài danh định: 2,92 m - Đường kính danh định: 25 mm - Độ dày danh định: 2,0 mm - Lực nén: $\geq 1250\text{N}$ - Màu sắc: trắng	
43.	Ống điện cứng PVC $\Phi 32$, 2,92m/Cây	- Chiều dài danh định: 2,92 m - Đường kính danh định: 32 mm - Độ dày danh định: 2,2 mm - Lực nén: $\geq 1250\text{N}$ - Màu sắc: trắng	
44.	Ống điện mềm $\Phi 20$, 50m/cuộn	- Chiều dài danh định: 50m/cuộn - Đường kính danh định: 20 mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng	
45.	Ống điện mềm $\Phi 25$, 40m/cuộn	- Chiều dài danh định: 40m/cuộn - Đường kính danh định: 25mm - Chất liệu: PVC - Màu sắc: trắng	
46.	Nẹp nhôm	-Chất liệu : nhôm -Kích thước: (100 x 50)mm $\pm$ 10mm	
47.	Nẹp inox	-Chất liệu inox -Kích thước (10 x 10)mm $\pm$ 2 mm	

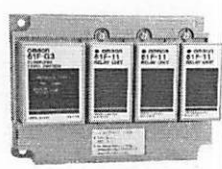
STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
48.	MCB 1P 16A	- Dòng điện định mức: 16A - Số cực: 1P - Số cực được bảo vệ: 1 cực - bảo vệ: từ, nhiệt - Dòng cắt ngắn mạch: $\geq 6 \text{ kA}$ - Điện áp cách điện định mức: $\geq 440\text{VAC}$ - Điện áp xung định mức: 4 KV - Số lần đóng cắt khi có điện: ≥ 10.000 lần - Đường cong đặt tính: C - Màu sắc: trắng	
49.	MCB 2P 25A	- Dòng điện định mức: 25A - Số cực: 2P - Số cực được bảo vệ: 2 cực - bảo vệ: từ, nhiệt - Dòng cắt ngắn mạch: $\geq 6 \text{ kA}$ - Điện áp cách điện định mức: $\geq 440\text{VAC}$ - Điện áp xung định mức: 4 KV - Số lần đóng cắt khi có điện: ≥ 10.000 lần - Đường cong đặt tính: C - Màu sắc: trắng	
50.	RCBO 2P 20A	- Dòng điện định mức: 20A - Dòng rò: $\leq 30\text{mA}$ - Số cực: 2P - Số cực được bảo vệ: 1 cực - Bảo vệ: từ, nhiệt - Dòng cắt ngắn mạch: $\geq 4,5\text{kA}$ - Điện áp cách điện định mức: $\geq 400\text{VAC}$ - Điện áp xung định mức: 4 KV - Số lần đóng cắt khi có điện: ≥ 20.000 lần - Đường cong đặt tính: C - Màu sắc: trắng	
51.	Đế Relay 14 chân	- Điện áp định mức: 250 V - Dòng điện: $\geq 5 \text{ A}$ - Số chân cắm 14 chân dẹt nhỏ	

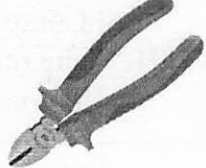
STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
52.	Cuộn coil solenoid	- Điện áp điều khiển: 220VAC hoặc 24VDC. - Nhiệt độ làm việc: -5~60°C.	
53.	Timer 24 giờ	- Điện áp hoạt động: 220VAC - 250VAC, 50Hz - Công suất: $\geq 2500W$ - Chế độ hẹn giờ: 17 lần ON và 17 lần OFF - Thời gian cài đặt tối thiểu: 1 phút - Tích hợp pin dự phòng cho chương trình thời gian	
54.	Bộ nguồn 12VDC 80A	- Điện áp ngõ vào: 220VAC - 240VAC - Điện áp ngõ ra: 12VDC - Dòng điện ngõ ra: $\geq 80A$ - Công suất: $\geq 1000W$	
55.	Tủ điện 13 module	- Kích thước: 192mm x 322mm x 57mm - Số đường: 13 - 14 đường - Chất liệu: Kim loại - Loại: Âm tường	
56.	Tủ điện 6 module	- Kích thước: 257mm x 244mm x 98mm - Số đường: 06 đường - Chất liệu: Kim loại - Loại: Âm tường	

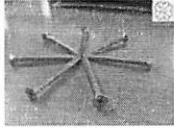
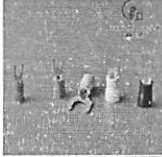
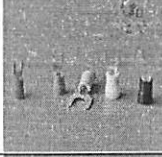
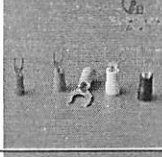
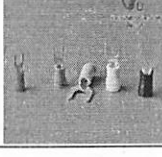
STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
57.	Relay nhiệt 0,63-1A	- Loại: Lắp đặt với khởi động từ loại D - Điện áp định mức: 600V - Số cực: 3 - Điện áp chip xung định mức: 6kV - Dải tần số: 0...400Hz - Dải dòng điện cài đặt: 0.63...1 (A) - Kiểu đấu nối: chân cắm	
58.	Relay nhiệt điện tử 0,5-6A	- Điện áp điều khiển: 220V - Điện áp chip xung định mức: 6kV - Dải tần số: 0...400Hz - Dải dòng điện cài đặt: 0,5 ... 6 (A)	
59.	Biến tần 22 KW	- Công suất: 22 KW - Điện áp: 380VAC - 480VAC - Dòng điện định mức: 41,6A.(380V) - Dải tần số: 0,5Hz --> 200Hz - Ngõ vào: VIA, VIB - Ngõ ra: Analog FM; relay FLA, FLC NO; FLB, FLC NC; logic RY, RC NO - Khả năng quá tải: 47,9 A trong 1 phút - Chức năng bảo vệ: quá tải, thiếu tải, bơm chạy thô, giới hạn thời gian chạy tốc độ thấp	
60.	Ổ cắm điện thoại	- Chức năng: ổ cắm điện thoại - Màu sắc: trắng	
61.	Ổ cắm mạng	- Chức năng: ổ cắm mạng - Màu sắc: trắng	
62.	Adaptor 24VDC 3A	- Điện áp đầu vào: 100VAC - 240VAC 50HZ - Điện áp đầu ra: 24VDC - Dòng đầu ra tối đa: $\geq 3A$	

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
		- Bảo vệ dòng điện: có - Bảo vệ ngắn mạch: có	
63.	Quạt trần	- Điện áp: 200VAC- 240VAC - Tốc độ: 5 cấp độ gió - Lưu lượng gió (max): (210 - 220)m³/phút - Công suất: 60W - 70W - Đường kính cánh: 1500mm $\pm$ 5% - Chiều dài ti: 220mm - 240mm - Trọng lượng: 5,8Kg - 6,5Kg - Bảo hành: 12 tháng.	
64.	Máy sấy tay	-Điện áp định mức 220VAC -Công suất $\geq$ 700W -Chế độ sưởi : có -Độ ồn $\leq$58 dB -Kích thước (154 x 246 x 470)mm$\pm$10mm	
65.	Tụ quạt 2,5 μ F	- Điện dung: 2,5μF $\pm$ 5% - Điện áp: 450VAC - Tần số: 50Hz	
66.	Bộ micro và loa cầm tay	- Điện áp: 9 VDC - Dòng điện tiêu thụ: 1 A - Công suất loa: 15W - 25W - Đáp ứng tần số âm thanh: 50 Hz - 12 kHz - Không gian sử dụng: 40 m² - 80 m² - Sản phẩm bao gồm: micro đeo tai, adaptor dùng sạc pin - Sản phẩm: sony SN 898 hoặc tương đương	
67.	Micro cổ ngỗng	- chiều dài cổ ngỗng: 530 mm $\pm$ 50 mm - Loại micro: điện dung - Ngõ ra tương đương cổng XLR-3-32 - Sản phẩm micro cổ ngỗng Toa – EM380AS hoặc tương đương	
68.	Đầu RJ11	- Chung loại: RJ11 - Chuẩn: line hoặc tai nghe - Chân tiếp xúc: hợp kim đồng	

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
69.	Đầu RJ45 CAT6	- Chung loại: RJ45 - Chuẩn: CAT 6/6A - Chân tiếp xúc: hợp kim đồng	
70.	Dây xoắn điện thoại (dây tai nghe) kích thước khi xoắn 300mm	- Cổng kết nối: RJ11 - Chiều dài danh định: 35cm - 45cm - Chiều dài lúc kéo giãn: 1,5m - Màu sắc: đen hoặc trắng	
71.	Điện thoại bàn	- Kiểu điện thoại: Cố định treo tường hoặc để bàn - Bộ nhớ chức năng: gọi lại số gần nhất. - Âm thanh: có nút chỉnh âm thanh - Chuông: có nút chỉnh to nhỏ - Màu sắc 2 màu: Trắng hoặc đen	
72.	Bơm chìm 18W	- Nguồn điện: 220VAC-240Vac - Công suất điện: 18W - 26W - Lưu lượng: 1200 lít/giờ - Chiều cao cột áp: 1,2m - Loại bơm: bơm chìm	
73.	Bộ hiển thị nhiệt độ	- Chung loại: Bộ hiển thị nhiệt độ - Nguồn điện cấp: 220VAC $\pm 10\%$ - Công suất tiêu thụ: $\leq 3W$ - Phạm vi hiển thị: 0 - 1300°C - Kích thước: W76,5mm x H34,6mm x D75mm	
74.	Khoan pin	- Động cơ: không chổi than - Pin: 36 VDC – 40 VDC - Kích cỡ đầu kẹp: max 13mm - Mo men xoắn $\geq 65Nm$ - Tốc độ không tải ≥ 2200 vòng / phút - Phụ kiện pin sạc nhanh, hộp nhựa	
75.	Máy cắt pin	- Động cơ: không chổi than - Pin: 18VDC – 20VDC - Đường kính đĩa : 125mm - Trục đĩa M10 - Tốc độ không tải ≥ 8500 vòng / phút - Phụ kiện pin sạc nhanh, hộp nhựa	

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
76.	Đồng hồ đo Ampe (Ampe kìm)	- Đường kính kim kẹp $\phi : \geq 33 \text{ mm}$ - Dải đo dòng AC: 400 A/1000 A - Dải đo dòng DC: 400 A/1000 A - Dải đo điện áp AC: 40 V/400 V/600 V - Dải đo điện áp DC: 40 V/400 V/600 V - Giải đo điện trở Ω: 400 Ω/40MΩ - Nguồn cung cấp : 1.5 V x 2	
77.	Đồng hồ đo độ sáng	- Dải đo: 0.1 Lux - 19990 Lux - Sai số: $\pm 5\%$ - Góc đo: $+ 30^\circ$ sai số nhỏ hơn $\pm 6\%$ $+ 60^\circ$ sai số nhỏ hơn $\pm 10\%$ $+ 80^\circ$ sai số nhỏ hơn $\pm 30\%$ - Pin: 9 VDC	
78.	Đồng hồ đo cách điện	- Dải đo: 20MΩ/200MΩ/2000 MΩ - Dòng điện ngắn mạch : $\leq 5.5\text{mA}$ - Điện áp đo: 30 - 600VAC/VDC - Pin: 12VDC - Phụ kiện : bao gồm que đo và hộp đựng	
79.	Đồng hồ đo dòng rò	- Dải đo: 5x, 1x, 1/2x và tự động - Dòng rò kiểm tra: 10/20/30/200/300/500mA - Thời gian kiểm tra 1000ms, 200ms - Điện áp hoạt động: 195VAC - 253VAC/50Hz - Phụ kiện: Dây đo	
80.	Bộ giám sát mực nước 5 cực (bồn nước trên mái)	- Chung loại: Bộ giám sát mực nước 5 điện cực - nguồn điện cấp: 220VAC, 50 Hz - Tiếp điểm đầu ra: $\geq 5\text{A} @ 220\text{VAC}$ - Điện áp điện cực: 8VAC	

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
81.	Đèn exit (chỉ hướng) 2 mặt	- Điện áp: 220VAC - 240VAC/50Hz - Công suất: 3W - 5W - Phụ kiện lắp đặt: có đầy đủ đế, pát, ty treo để lắp đặt âm trần, gắn tường, treo trần - Thời gian hoạt động chế độ pin: $\geq 3h$	
82.	Mica tản quang (trắng sữa)	- Loại mica: trắng sữa - Kích thước: theo yêu cầu (1200x340x2 hoặc 1200x325x2 hoặc 1200x270x2)	
83.	Kìm mỏ bằng	- Kích thước: dài 163mm - Khối lượng : 210g - Tay cầm bọc nhựa cách điện.	
84.	Kìm mỏ nhọn	- Kích thước: dài 162mm - Khối lượng : 90g - Tay cầm bọc nhựa cách điện.	
85.	Kìm cắt	- Kích thước: dài 167mm - Khối lượng : 230g - Tay cầm bọc nhựa cách điện. - Khả năng cắt dây điện mềm: 4.0mm - Khả năng cắt dây cứng: 2.8mm	
86.	Bộ tua vít 6 cái	-03 tua vít bẻ (0x60, 1.0x80, 2.0x100mm) -03 tua vít dẹt (3.0x75, 5,5x100, 6,5x150mm) - Khối lượng : 1 kg	
87.	Bút thử điện	- Kích thước: dài 140mm - Phạm vi kiểm tra: 100-250 V - Khối lượng : 30g	

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
88.	Băng keo điện	- kích thước: 18 mm $\pm$ 2 mm x 18288 mm $\pm$ 500 mm	
89.	Tắt kê nhựa 8 mm 1000 cái/gói	- Kích thước: 40mm $\pm$ 2 x 8mm $\pm$ 0,5 - Chất liệu: nhựa	
90.	Vít bắt tắt kê 8 mm 1000 cái/gói	- Kích thước: 40mm $\pm$ 2 x 6mm $\pm$ 0,5 - Chất liệu: thép mạ	
91.	Vít bắt box điện 100 cái/gói	- Kích thước: 20mm $\pm$ 2 x 3mm $\pm$ 0,2, 40mm $\pm$ 2 x 3mm $\pm$ 0,2, 60mm $\pm$ 2 x 3mm $\pm$ 0,2, - Chất liệu: thép mạ	
92.	Vít đuôi cá 100 cái/gói	- Kích thước: 10mm $\pm$ 2 x 3mm $\pm$ 0,2, 20mm $\pm$ 2 x 3mm $\pm$ 0,2 - Chất liệu: thép mạ	
93.	Domino đầu điện 10mm ²	- Sử dụng cho dây 10mm ² - 1 cây có tối thiểu 10 đầu nối	
94.	Cosse 1,5mm ² , chẻ (cosse chữ Y), 100 cái/gói	- Tiết diện cáp sử dụng: 1,7 mm ² $\pm$ 0,2 - Lỗ bắt ốc: 6,4 mm $\pm$ 0,2	
95.	Cosse 2,5mm ² , chẻ (cosse chữ Y), 100 cái/gói	- Tiết diện cáp sử dụng: 2,3 mm ² $\pm$ 0,2 - Lỗ bắt ốc: 6,4 mm $\pm$ 0,2	
96.	Cosse 4,0mm ² , chẻ (cosse chữ Y), 100 cái/gói	- Tiết diện cáp sử dụng: 3,4 mm ² $\pm$ 0,2 - Lỗ bắt ốc: 6,4 mm $\pm$ 0,2	
97.	Cosse 6,0mm ² , lỗ tròn Ø 6,5mm, 50 cái/gói	- Tiết diện cáp sử dụng: 6mm ² $\pm$ 0,2 - Lỗ bắt ốc: 6,5 mm $\pm$ 0,2 - Điện áp: 1KV	
98.	Dây rút nhựa (dài 25cm), 1Kg/gói	- Dài: 250mm $\pm$ 5 - Rộng: 5,2mm $\pm$ 0,2 - Màu sắc: Trắng hoặc đen	

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Hình ảnh tham khảo
99.	Cosse 1,5mm ² , pin (cosse tròn), 100 cái/gói	- Tiết diện cáp sử dụng: 1,5 mm ² ± 0,2 mm ² - Loại: tròn, có bọc nhựa	
100.	Cosse 2,5mm ² , pin (cosse tròn), 100 cái/gói	- Tiết diện cáp sử dụng: 2,5 mm ² ± 0,2 mm ² - Loại: tròn, có bọc nhựa	
101.	Cosse 4,0mm ² , pin (cosse tròn), 100 cái/gói	- Tiết diện cáp sử dụng: 4,0 mm ² ± 0,2 mm ² - Loại: tròn, có bọc nhựa	
102.	Cosse 6,0mm ² , pin (cosse tròn), 100 cái/gói	- Tiết diện cáp sử dụng: 6,0 mm ² ± 0,2 mm ² - Loại: tròn, có bọc nhựa	

b, Yêu cầu khác

- Hàng hóa mới 100%.
- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu.
- Giao hàng theo tiến độ của Chủ đầu tư theo bảng sau:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
1.	Bóng đèn LED tube 0,6m 9W	cái	300	100	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
2.	Bóng đèn LED tube 1,2m, 18W	cái	1200	400	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
3.	Đèn LED panel 600x600mm, 40W	bộ	54	20	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
4.	Bóng đèn LED 3U, 9W	cái	407	150	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
5.	Bóng LED bulb 5W	cái	5	5	
6.	Bộ đèn LED downlight 3W, Ø 110mm	bộ	13	4	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
7.	Bộ đèn LED panel 18W, Ø 167mm	bộ	248	80	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
8.	Bộ đèn LED downlight 20W Ø 180mm		47	20	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt
9.	Bộ đèn LED downlight 12W, Ø 174mm	bộ	92	50	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
10.	Đèn led trụ công (lắp công) 10W	bộ	2	2	
11.	Bộ đèn LED downlight 18W, Ø 225mm	bộ	6	2	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
12.	Bộ đèn LED panel 6W, Ø 120mm	bộ	10	3	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
13.	Bộ đèn LED downlight 5W, Ø 90mm chiều sâu	bộ	24	8	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
14.	Bộ đèn LED downlight 13 W, Ø 120 mm chiều sâu	bộ	5	2	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
15.	Bộ đèn LED downlight 34W, Ø 157mm chiều sâu	bộ	5	2	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
16.	Bộ đèn LED downlight ánh sáng vàng 10W, Ø 142mm chiều sâu	bộ	20	7	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
17.	Bộ đèn pha LED 100W	bộ	1	1	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
18.	Bộ đèn đường LED 150W	bộ	2	1	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
19.	Bộ đèn LED mica 0,6m 18W	bộ	5	2	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
20.	Bộ đèn LED mica 1.2m 36W	bộ	12	4	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
21.	Đèn chiếu tranh (dạng thân)	bộ	4	2	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
22.	Bộ đèn chiếu sáng khẩn cấp	bộ	2	1	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
23.	Bộ đèn pha năng lượng mặt trời 100W	bộ	10	5	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
24.	Cáp 1xC1,5mm ²	m	2000	700	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
25.	Cáp 1x3C1,5mm ² , có 1 sợi xanh sọc vàng	m	400	200	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
26.	Cáp 1xC2,5mm ²	m	3200	1000	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
27.	Cáp 1xC4mm ²	m	5000	2000	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
28.	Cáp 1xC6mm ²	m	500	200	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
29.	Cáp điện thoại 2x2x0,5mm ²	m	2000	700	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
30.	Công tắc đơn 1 chiều 16A	cái	85	30	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
31.	Công tắc xoay 3 vị trí	cái	35	10	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
32.	Hộp nhựa vuông âm 80x80x42,5mm	cái	180	60	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
33.	Hộp nhựa vuông nổi 80x80x35mm	cái	20	10	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
34.	Hộp nhựa vuông nổi 120x115x35mm	cái	193	70	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
35.	Hộp nhựa vuông âm 150x150x42,5mm	cái	70	20	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
36.	Mặt lắp 3 thiết bị	cái	120	40	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
37.	Mặt lắp 6 thiết bị	cái	170	60	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
38.	Ổ cắm điện đôi 3 chấu 16A	cái	300	100	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
39.	Phích cắm điện 3 chấu 16A	cái	85	30	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
40.	Ổ cắm nối dài	cái	45	20	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
41.	Ổng điện cứng PVC Ø 20, 2,92m/Cây	cây	90	30	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
42.	Ổng điện cứng PVC Ø 25, 2,92m/Cây	cây	85	30	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
43.	Ống điện cứng PVC Ø 32, 2,92m/Cây	cây	10	5	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
44.	Ống điện mềm Ø 20, 50m/cuộn	cuộn	20	6	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
45.	Ống điện mềm Ø 25, 40m/cuộn	cuộn	18	6	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
46.	Nẹp nhôm	cây	20	6	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
47.	Nẹp inox	cây	40	15	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
48.	MCB 1P 16A	cái	4	2	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
49.	MCB 2P 25A	cái	24	8	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
50.	RCBO 2P 20A	cái	28	10	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
51.	Đế Relay 14 chân	cái	5	5	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
52.	Cuộn coil solenoid	cái	54	20	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
53.	Timer 24 giờ	cái	7	3	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
54.	Bộ nguồn 12VDC 80A	bộ	2	1	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
55.	Tủ điện 13 module	cái	5	2	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
56.	Tủ điện 6 module	cái	7	2	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
57.	Relay nhiệt 0,63-1A	cái	2	1	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
58.	Relay nhiệt điện tử 0,5-6A	cái	2	1	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
59.	Biến tần 22 KW	bộ	1	1	
60.	Ổ cắm điện thoại	cái	30	10	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
61.	Ổ cắm mạng	cái	20	10	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
62.	Adaptor 24VDC 3A	cái	40	15	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
63.	Quạt trần	bộ	4	2	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
64.	Máy sấy tay	bộ	5	2	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
65.	Tụ quạt 2,5 μ F	cái	7	2	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
66.	Bộ micro và loa cầm tay	bộ	10	3	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
67.	Micro cổ ngỗng	cái	40	15	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
68.	Đầu RJ11	cái	80	30	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
69.	Đầu RJ45 CAT6	cái	120	40	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
70.	Dây xoắn điện thoại (dây tai nghe) kích thước khi xoắn 300mm	sợi	75	25	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
71.	Điện thoại bàn	cái	140	50	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
72.	Bơm chìm 18W	cái	5	2	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
73.	Bộ hiển thị nhiệt độ	bộ	1	1	
74.	Khoan pin	bô	1	1	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
75.	Máy cắt pin	bô	1	1	
76.	Đồng hồ đo Ampe (Ampe kìm)	cái	1	1	
77.	Đồng hồ đo độ sáng	cái	1	1	
78.	Đồng hồ đo cách điện	cái	1	1	
79.	Đồng hồ đo dòng rò	cái	1	1	
80.	Bộ giám sát mực nước 5 cực (bồn nước trên mái)	bộ	1	1	
81.	Đèn exit (chỉ hướng) 2 mặt	cái	5	2	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
82.	Mica tản quang (trắng sữa)	tấm	234	120	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
83.	Kìm mỏ bằng	cái	8	8	
84.	Kìm mỏ nhọn	cái	8	8	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
85.	Kìm cắt	cái	8	8	
86.	Bộ tua vít 6 cái	bộ	8	8	
87.	Bút thử điện	cái	8	8	
88.	Băng keo điện	cuộn	80	30	Theo yêu cầu chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng
89.	Tắt kê nhựa 8 mm 1000 con/gói	gói	1	1	
90.	Vít bắt tắt kê 8 mm 1000 con/gói	gói	1	1	
91.	Vít bắt box điện 100 con/gói	gói	1	1	
92.	Vít đuôi cá 100 con/gói	gói	1	1	
93.	Domino đầu điện 10mm ²	cây	12	12	
94.	Cosse 1,5mm ² , chẻ (cosse chữ Y), 100 con/gói	gói	1	1	
95.	Cosse 2,5mm ² , chẻ (cosse chữ Y), 100 con/gói	gói	1	1	
96.	Cosse 4,0mm ² , chẻ (cosse chữ Y), 100 con/gói	gói	1	1	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng giao hàng lần 1 (không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Các lần giao hàng sau
97.	Cosse 6,0mm ² , lỗ tròn Ø 6,5mm, 50 con/gói	gói	1	1	
98.	Dây rút nhựa (dài 25cm), 1Kg/gói	gói	1	1	
99.	Cosse 1,5mm ² , pin (cosse tròn), 100 con/gói	gói	1	1	
100.	Cosse 2,5mm ² , pin (cosse tròn), 100 con/gói	gói	1	1	
101.	Cosse 4,0mm ² , pin (cosse tròn), 100 con/gói	gói	1	1	
102.	Cosse 6,0mm ² , pin (cosse tròn), 100 con/gói	gói	1	1	

CÔNG TY:
ĐỊA CHỈ:
SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ lớn, TP. Hồ Chí Minh
Theo thư mời chào giá số/BVĐHYD-QTTN của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	Danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Mã hàng	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá (VND	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(10)*(9)
1									
2									
Tổng cộng đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan khác									

- ☐☐☐ Yêu cầu báo giá:
- Báo giá này có hiệu lực 06 tháng kể từ ngày báo giá.
 - Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại
 - Các yêu cầu khác:

Ngày ... thángnăm 2025
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

